

# Thái Kim Lan

## Độc Hoàng Ngọc Hiến

Tôi đọc Hoàng Ngọc Hiến với một tâm trạng khá lạ kỳ, lạ của một người... thật xa và kỳ của một cuộc ngộ bất ngờ.

Anh Trần Hoài Thư viết cho tôi, luôn trong hồi hải như muốn hốt cả nền văn học miền Nam vào trong cái hồ lô TQBT của anh, và lần này, đây! Hoàng Ngọc Hiến đó! Chị thấy chưa? Thưa, ban đầu lơ ngơ thì “chưa” nhưng rồi thì, “có”, đã thấy!

Chưa quen nên thoát đầu hờ hững khi lưu bài để đọc, dù nổi nước TQBT đang sôi, - tôi phải thú nhận từ khi đi du học ở phương xa, kể từ 1965, tôi đã bỏ lửng mất một khoảng thời gian, tính đến 1975 là mười năm, ít chú tâm ngó ngang đến sinh hoạt văn học tại quê nhà (ngay cả sự nghiệp của chị Phùng Thăng, anh Trần Xuân Kiêm...), cho nên Hoàng Ngọc Hiến là tên tuổi chưa có dịp nghe. Những trang chữ hiện ra mới nước lã người dung, nhưng bỗng – chữ “bỗng” tôi dùng cho tôi chứ Hoàng Ngọc Hiến và văn nghiệp của anh thì diễm nhiên có tự bao giờ, diễm nhiên như thế, hiển hiện như thế, đã là như thế, chưa từng một lần đòi được đọc, được quen – Nhưng bỗng, nếu có ai đọc, thì có lẽ bấy giờ... có như tôi đang ở trong tâm trạng này?: Tôi vừa đọc mà nghe như mình ăn năn, hối lỗi chừ mới đọc Hoàng Ngọc Hiến, và cùng với tiếc nuối không đọc HNH sớm hơn vào thời ấy, lẫn trong ý thức miên man dõi theo dòng văn, tôi nghe tôi nói lời xin lỗi về sự thờ ơ với nghiệp dĩ văn chương của anh, với sự nghiệp văn chương những người miền Nam đồng thời nay đã không còn trên

cõi thế...

Điều gì đã gây chấn động cho một người đọc ban đầu trong thế bị đọc Hoàng Ngọc Hiến? Chính Hoàng Ngọc Hiến! Ngòi bút của anh đã phác họa được con người mà đấng đấng hơn 40 năm vô thức Việt Nam trong tôi tìm kiếm giữa bao thăng trầm văn học Việt, thấp thoáng cổ nhân hay mơ màng mong ước được gặp: vẻ ung dung của một người tử tế cầm bút văn học, thể hiện hồn phách con người và con người Việt, qua văn chương và mỹ học Việt. Trong ba đào diên đảo của thời thế, lênh đênh đoạn trường nhân sinh, Hoàng Ngọc Hiến đã trải qua, ném hết cay chua của cuộc đời, của thăng trầm thế sự, thật khó để thể hiện ung dung tự tại nếu không có một bản lĩnh tinh thần, một tầm sâu chất người, sự rít rạo và hội nhập nguồn suối văn hóa mà anh được tắm gội và vùng vẫy suốt cả đời người, trên quê hương cũng như ở miền đất khách. Xuyên suốt tác phẩm của anh, dù chỉ được đọc không nhiều, nổi thao thức trở về, tìm lại để nhận ra, để trực nhận tính Việt cũng là tính phổ quát của con người tại thế, như tìm lại hạnh phúc đánh mất trên trần gian, đã mang lại khoái cảm, thú vị tế nhị bất ngờ.

Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dư, Nguyễn Du, Trần Quý Cáp... những nhân vật lịch sử quen thuộc nhất tưởng như nhẵn mòn, không mới, dễ rơi vào khuôn sáo để viết về, nhưng nhãn quan tinh tế từ kiến thức sâu sắc đã đưa ngòi bút của HNH phác họa được hồn phách bản lai con người nơi chốn Nam ai một thời. Thể tính Việt, hiện sinh Việt của họ trở nên cảm hứng vô tận cho hiện sinh nhân thế, linh hồn và tâm cảm họ như những nét thơ thể nghiệm thân phận con người Việt, có thể mang lại thi vị làm người đứng nghĩa con người. Họ, những con người mãnh liệt nhất trong lịch sử Việt Nam, những con người Việt ấy xuyên qua chất chữ của HNH lại là những con người dung dị nhất, gần gũi lạ thường trong cuộc trở về quê nhà, với sông, núi, gió, trăng, mưa tuôn trước ngõ, bến đò xưa, ao thu lạnh lẽo – quê hương đích thực sau cuộc lưu đầy lênh đênh giữa danh vọng và dục vọng.

“Căn lều này, nơi đây, tôi vẫn ghé nghỉ chân trong nhiều buổi trưa hè, mở bịch cơm nắm muối vừng ra ăn. Đôi khi chia sớt cho những người bạn nhỏ của tôi. Cũng có khi, họ chia cho tôi một nửa củ khoai lang, hoặc một cái bắp luộc chín. Tôi vẫn còn nhớ hương vị của cơm nắm muối vừng thơm phức, khoai lang ngọt bùi, và bắp nếp chín dẻo làm sao!!! Tôi vẫn còn nhớ cái tình của chúng tôi với nhau, đơn sơ mà chân thật, giản dị mà thắm tình, mộc mạc chẳng thể nào quên. Chúng tôi thương yêu nhau làm sao! Đôi khi chúng tôi còn cho nhau cái quần, cái áo. Chúng tôi rách rưới mà đùm bọc nhau biết bao! Ôi, chúng tôi thương nhau biết bao! Bây giờ tìm đâu ra nữa? Chính những người bạn trẻ thơ ấy đã dạy tôi về tình thương, sự đùm bọc, nhường cơm xẻ áo, để sau này tôi biết chia sẻ cho các kháng chiến quân của chúng ta như thế.”

“Còn tôi, tôi xin về Côn Sơn, làm người cày ruộng, đánh đập, sống đời nông dân trong một đất nước độc lập thanh bình. Kiếm được gì, tôi ăn nấy. Còn không, tôi đói, nằm ở lều cỏ này, nhìn trời mây, cũng đủ thấy lòng vui, ông ạ. Tôi không còn bận tâm đến đói khát, sống chết, bệnh tật, già yếu, thì tôi còn bận tâm về điều chi nữa?! Mọi bận tâm của tôi về giang sơn thì, nay giang sơn đã sạch bóng quân thù, nước nhà thanh bình rồi, thưa ông.” (1)

Đùng giã này khi đọc những Khổng Tử, Khương Tử Nha, Bạch Cư Dị, Nguyên Chấn... trong tâm trạng phần uất, cho rằng giai đoạn “Khổng Tử viết” ấy đã quá ư lỗi thời, mang mầm phản quốc hay với tâm trạng về hòa huệnh hoang văn miếu, thứ văn miếu vô hồn ngu ngốc đang mọc ra nhan nhản với quảng cáo đất tiền. Phải nhận ra – nhận với đầu ngẩng cao và không chút mặc cảm – rằng hầu như cả dòng văn học Việt đều dính líu đến nền tảng triết học Trung Hoa, và triết học Đông phương không thể vắng mặt Khổng Lão, – tập truyện của HNH thường lấy chất liệu từ nền cổ học ấy, nhưng con đường anh đi rẽ sang lối khác, lối về đất quê, để làm sống lại con người thực Việt nam,

thân phận nhỏ nhoi trong điều kiện không gian chật hẹp nhưng lại cao cả trong sứ mệnh của chính nhược tiểu ấy: tỏ rõ nhân nghĩa trên đời, rộng khắp như Trần Hưng Đạo, Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi đã hơn một lần hành đạo để chỉnh lý chính cội nguồn, nơi đạo ấy xuất phát, “Đạo cũng không phải là tam cương ngũ thường! Đạo là tri cơ rất ráo!!! Nghĩa là hiểu được rất ráo nguồn gốc cho đến rất ráo cái sau hết!!! Đó là đến bến vậy!!! Không phải cứ buông bỏ là về được! Mà phải xuống thuyền đi tìm bến!!! Ông cần phải vượt sông, ông Tri huyện ạ. Ông đã hỏi tôi, thì tôi muốn nói hết. Đã trót đem thân xác vào đời, thì có khác gì con thuyền lênh đênh trên sông nước? Không xuống thuyền, sao tới bến được? Tôi mạn phép ông, cho rằng “nước nguy không vào, nước loạn không ở”, chỉ thích hợp trong một giai đoạn nào đó thôi. Có xuống thuyền, mới có ngày tới bến hỏi Đạo được, thưa ông.”(2)

Với HNH sự tử tế của người viết đã hơn một lần cho thấy tinh hoa của triết lý Đông phương không nằm trong đền đài văn miếu mà trong sự thấu triệt lẽ biến dịch của cuộc đời để trở về với trung dung, thả mình thâm đượm biến dịch của cuộc đời. Văn phong chuẩn mực, đẹp dung dị của HNH đã chất lọc được những tinh hoa ấy, cho người đọc thứ hương vị mà Nguyễn Tuân đã khơi dậy vang bóng một thời, hầu như buồn nhiều hơn, ngát tím hơn màu hồng của “quan quan thư cưu, yểu điệu thực nữ” đã có lần gặp được rồi vượt mất. Chút hạnh phúc ngắn ngủi làm cho bóng chiều trở nên dài hơn. Cảm giác hoài cổ, nhớ phố xưa hoàng thị, cũng chính là tâm thức của kẻ lưu đày, với khát vọng tìm lại chôn quê nhà trên đường trần lang thang...

*“Bài ca của những người không quê hương đó. Bài ca của những người Chiêm Thành còn sót lại trên đất khách quê người. Họ than vãn về quê hương xír sớ đã mất và dân tộc bị diệt vong. Họ yêu quê hương hơn yêu bản thân họ. Bài ca này ít ai có được. Hỡi tôi đi trận, một tên lính, nó người Chiêm dạy tôi hát đó. Tôi có nghe nó giải thích nhưng tôi không cần ghi nhớ những lời giải thích ấy. Chỉ cần hát là đủ, hát đủ cảm thông nỗi lòng của những người lưu vong*

*đã mất quê hương,*

*Rồi lão cất cao tiếng hát. Có chút gì sướt mướt... Tôi chợt hiểu, mất một quê hương, mất một dân tộc, mất những thứ lớn lao hơn đời người. Mất cả lịch sử, còn gì... Giọng rượu của lão khàn khàn chênh choáng, tôi thấy những âm thanh khởi từ giọng ca của lão va vào ly la-de làm sóng sánh...”(3)*

Có thể nói cảm thức lưu đầy của con người trần thế và khát vọng tìm lại quê hương đích thực là những nét chủ đạo trong sáng tác của HNH. Thân phận của người lính miền Nam, thân phận của kẻ tù đầy, thân phận của người trở về, của kẻ thất nghiệp, của người thương binh, của kẻ bị phản bội, lườm gạt về mọi mặt, tình cảm cũng như chính trị đều được tác giả đưa ra, thẳng thắn vạch trần, phê phán mà không nguyên rủa, bởi vì bên trên mọi sự phản bội, đối với người cầm bút, hiện sinh con người vẫn trần trụi trong cõi vô thường, trong đón đau dày vò, trong cô đơn, cho nên văn chương – phương tiện nhân tính nhất mà con người được phú thác – mà Nguyễn Du, Bạch Cư Dị là hiện thân toàn vẹn nhất – dành cho bi thương, liên cảm thân phận con người hơn là căm thù ganh ghét. Cảm thức ấy vượt chật hẹp cá nhân, riêng lẻ, trong Hoàng Ngọc Hiến, đã vươn đến chân trời vũ trụ nhân sinh. Bên cạnh âm hưởng hoài cảm của một Nguyễn Tuân nhưng với thủ đắc uyên bác kín đáo, cẩn kẽ tư liệu, cẩn trọng khiêm tốn hơn, Thuyền và Bến, Trăng Lu Bến Cũ gọi nghĩ nổi bản khoãn hiện sinh phi lý mà Camus đã một thời làm xôn xao văn học thế giới và dĩ nhiên không khỏi, cả văn học miền Nam.

*“Nhưng tôi đã hoàn toàn thất vọng. Tôi chỉ nghe thấy tiếng còi ré lên của lão thượng sĩ thường vụ tập hợp tiểu đội đi kích. Tôi châm một điếu thuốc, và theo dõi lão già kiểm soát toán lính. Tôi trở về đời sống thực tế tôi: dùng com chiêu với thằng Thành và thằng Vụ, uống ly cà phê cũ thứ hai trong ngày. Giấc ngủ thường đêm vẫn thao thức khi không có rượu uống mê mồi. Câu chuyện tình đau thương của thằng Thành nó kể còn dở dang, chưa hết. Tôi sẽ được nghe hết trong đêm nay hay trong một đêm mai.*

*Đêm khác đến chuyện thằng Vụ. Đêm khác nữa, đến chuyện tôi. Và cứ thế, chúng tôi hút thuốc, uống cà phê, thao thức, đếm tiếng đại bác 155 ly bắn đi từ căn cứ Đồng Minh trong Quân Lợi. Tiếng nổ của nó ở ngoài rừng vọng tới căn hầm tôi âm u không thoát.”(4)*

Trên tấm màn trắng của đời người, Camus tô đậm nét “cô đơn” và nhấn phím đơn điệu thời gian: “Rồi sẽ có ngày không còn gì để bàng hoàng ngưỡng mộ, tất cả đều trở nên quen thuộc, tất cả cuộc đời trôi đi trong lặp lại. Thời của lưu đày, của cuộc sống khô cằn, của linh hồn khắc khoải chết.” (1953)

Camus viết và nổi đơn côi (solitaire) bám chặt trên tấm bảng đen trắng đời người, chỉ trật một chữ “d” (solidaire) là đánh mất chung côi, tác phẩm của ông rất cùng khắc khoải, nặng trĩu phi lý đến vô phương. Nhưng HNH, dù thấm đượm nỗi cô đơn như là điều kiện hiện sinh của đời người, HNH vẫn đông phương trong chính sự chịu đựng nỗi đơn côi ấy như lẽ sống với con người, cho nên quay bút là sức mạnh của thể tính người. Sức mạnh ấy nằm trong chữ “Nhân” mà anh đã thấy được ở “Ngộ Tĩnh” Sa Tăng. Khám phá Sa Tăng trong Tây Du Ký chính là một trong những tài tình tinh tế và nhạy cảm văn học mà Hoàng Ngọc Hiến đã chứng tỏ hơn một lần ở những câu chuyện khác.

Trong lúc mọi con mắt đổ xô về các nhân vật sáng ngời Đường Tăng, kinh thiên động địa Tôn Ngộ Không, ồn ào náo nhiệt Trư Bát Giới, HNH thâm lặng tìm được bóng dáng đích thực của con người nơi Sa Tăng: một con người bình thường với cái tâm ẩn nhẫn ngày ngày quây gánh đi hết con đường chứng ngộ. Chính chữ nhẫn làm cho con người bình thường với cái tâm bình thường có thể chia, có thể chung, có thể viết khác đơn thành chung côi với con người. Anh, nhà văn âm thầm và dung dị, nhưng văn phong rất mực chuẩn xác từng chữ, từng dấu chấm phết, từng ngắt câu, gãy gọn và nhiều nhạc điệu – làm nhớ lối hành văn của những tác phẩm văn học mà tôi đã được học

từ khi đến trường, như một truyền thống văn chương tiếng Việt - hiện nay đang dần mai một với lối viết phủ đầu, hồi hải kiểu phong trào thời thượng đang chế ngự, - Với chính nhân vật trong tác phẩm mà anh hoàn tất, HNH hoàn tất được cái tâm của người cầm bút, chính là sự liên cảm của đức nhân “tâm công” mà Nguyễn Trãi dùi mài và Sa Tăng ngày ngày quẩy gánh lên đường.

Lấy được, thấu lượm được chữ “nhẫn” trong Tây Du, đó là tài nghệ văn chương và tài tình mỹ học của HNH. Cảm khái văn chương muốn thoát ra tiếng kêu, hay đập bàn thú vị của người đi tìm, thoát tiên với chút dã tâm tìm lỗi, không ngờ được đất. Có một chữ nhẫn lạ lùng trong đạo Phật đó là sự nhẫn nại trải qua kiếp người như cơ hội giải thoát, không phải là một thứ luân lý cương thường nhện nhục, mà là sự dung nạp thể tính, nó đụng chạm đến thể tính làm người với con người, có nghĩa chịu đựng kiếp người với con người, chia đau với người, với nhau, bình thường, đồng đẳng với mọi người. Thi ca chính là tiếng kêu liên cảm đoạn trường của đời người, thấu rõ lẽ vô thường, hành văn như bộ hành trong nắng mưa, cũng có thể như người lính ngồi chờ tiếng súng, không nao núng, ung dung thưởng thức ngum trà dưới ánh trăng, tự tại chờ “cá đâu đớp động dưới chân bèo”, thẳm lặng như khi chờ một cơn mưa hay một tiếng chuông rớt xa chạm đến bờ thuyền:

*“... thỉnh thoảng hòa thượng chùa Trên đổ một hồi chuông khuya, như chùa Hàn Sơn. Không giờ là điểm khởi đầu, mà cũng là điểm kết thúc. Khởi đầu ở không giờ. Kết thúc cũng ở không giờ. Nó mang nghĩa trọn vẹn của “vô thường”. Mọi sự từ hư không mà đến, thì tất cả mọi sự sẽ trở về hư không.*

*Tôi bỗng chờ đợi một hồi “Vô thường chung” hơn bao giờ hết. Núi Tà Cú xanh mượt mà trên bầu trời rực nắng. Và chợt nhớ suối Đá Bạc, nơi tôi thường hay ngồi bên bờ, hút hết một ống điếu, mỗi buổi chiều. Có lẽ, sau mấy ngày bão rớt, mưa dầm dề, giờ đây nước dâng đầy suối Đá Bạc? Tôi*

*sẽ là một cánh lá rơi trên dòng suối ấy? Nhưng bao giờ?  
Tôi đã sẵn sàng...” (5)*

HNH đã cho tôi niềm vui tìm lại được gương mặt cố nhân, không chỉ văn học miền Nam, đó đã là nhân diện văn học Việt Nam. Đã là, nên phải, sẽ là như thế?

### **Thái Kim Lan**

—

- (1) *Côn Sơn ngày về* - trong bản thảo tập truyện “Bóng Thời gian”
- 2) *Thân phận “Tiếng súng cao nguyên”* trong bản thảo tập truyện “Trăng Lu Phố Cũ”.
- (3) *Quê hương lưu đầy* chương 9, truyện dài Văn xuất bản Saigon 1969
- (4) *Cơn Say* (Khởi Hành số 73)
- (5) *Bóng núi Tà Cú* (truyện ngắn) trong bản thảo tập truyện “Trăng Lu Phố Cũ”.

Để bạn đọc có thể đọc toàn bài, tòa soạn TQBT sưu tầm và đăng lại ở phần “trích văn Hoàng Ngọc Hiến” cả 5 truyện mà tác giả Thái Kim Lan đã đề cập trong bài viết.